

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 946 /CV-BVĐKĐA

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2024

Vv: Yêu cầu báo giá vật tư y tế,
hóa chất xét nghiệm

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đông Anh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm đợt 2 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

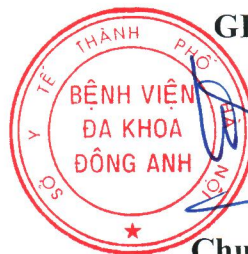
- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Đông Anh
Địa chỉ: Tổ 1 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Phương Thủy, số điện thoại: 0977563522, email: phongvttbvtbv@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Phòng Văn thư, tầng 3 khu hành chính Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Tổ 1 Thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 24 tháng 6 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm: (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa Đông Anh, tổ 1 thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 3 ngày từ khi có đơn hàng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VT-TBYT



GIÁM ĐỐC

Chu Đình Năng

DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỢT 2

(Kèm theo công văn số: 946/CV-BVĐKĐA ngày 11 tháng 6 năm 2024)

STT	STT Phần		Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Đơn vị tính	Quy cách	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Ghi chú
			Phần 1: Danh mục hóa chất, vật tư sử dụng trên máy khí máu					
1	1		Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm khí máu	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Phân tích được các chỉ số: pH, PCO2, PO2, Hct, Na+, K+, Cl-, Ca++, Glu, Lac. Hộp ≥ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	24	
2	2		Hóa chất kiểm chuẩn ngoài cho máy xét nghiệm khí máu	Hộp	Hộp ≥ 30 test	Sử dụng để theo dõi các thông số: pH, PCO2, PO2, Hct, Na+, K+, Cl-, Ca++, Glu, Lac. Có 3 mức. Hộp ≥ 30 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	12	
3	3		Xilanh 1ml trắng heparin	Cái	Theo quy cách của nhà sản xuất	Tráng sẵn chất chống đông heparin, dung tích 1ml kèm đầu kim. Hộp ≥ 100 cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	3,500	
4	4		Điện cực máy khí máu	Hộp	Theo quy cách của nhà sản xuất	Điện cực tham chiếu sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm khí máu. Hộp ≥ 1chiếc. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	2	
5	5		Dây bơm máy khí máu	Cái	1 cái/túi	Bộ dây bơm sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm khí máu. Túi ≥ 1 cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	2	
			Phần 2: Danh mục vật tư , hoa chất nuôi cấy định danh vi khuẩn sử dụng tương thích máy VITEK 2					
6	1		Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Hộp	Hộp ≥ 2000 ống	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) . Kích thước ≥ 12 mm x 75 mm. Hộp ≥ 2.000 ống. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
7	2		Nước muối 0.45%	Chai	Chai (túi) ≥ 500 ml	Nước muối 0.45% pha huyền dịch vi khuẩn; chai hoặc túi ≥ 500 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30	
8	3		Chai cấy máu 1	Hộp	Hộp ≥ (30 ml/chai x100 chai)	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể. Chứa ≥ 30ml môi trường và ≥1.6g hạt polyme hấp phụ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3	
9	4		Nhuộm tế bào vi sinh vật.	Bộ	Bộ ≥ 4 x 250ml	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Crystal Violet, Lugol , Decolor (alcohol-acetone) và Safranine. Bộ ≥ 4 x 250ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	8	



10	5		Môi trường thạch màu phân biệt Liên cầu B	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Môi trường được sử dụng phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Bao gói bằng màng bán thấm. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	240	
11	6		Môi trường lỏng tăng sinh cho vi sinh vật	Hộp	Hộp ≥ 10 ống	Môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate. , Hộp ≥ 10 ống, ống ≥ 5 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	240	
12	7		Môi trường phân lập vi khuẩn Gram âm đường ruột	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Môi trường dùng phân lập các mầm bệnh vi khuẩn Gram âm đường ruột. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Proteose peptone, Yeast extract, Lactose, Sucrose, Salicin, Bile salts No.3, Sodium chloride, Sodium thiosulphate, Ammonium ferric citrate, Acid fuchsin, Bromothymol blue, Agar, Quy cách ≥ 10 đĩa/Hộp. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4	
13	8		Môi trường thạch máu	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar. Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	400	
14	9		Môi trường thạch nâu	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox. Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	300	
15	10		Môi trường phân lập và phân biệt cho các vi khuẩn Enterobacteriaceae	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar. Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	10	

16	11		Môi trường thạch phân lập và nuôi cấy nấm có bổ sung kháng sinh	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Dùng để phân lập và nuôi cấy phân lập chọn lọc cho nấm men, nấm mốc. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Chloramphenicol, Agar. Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	10	
17	12		Môi trường kháng sinh đồ	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	100	
18	13		Môi trường thạch màu	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar. Hộp ≥ 10 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	350	
19	14		Môi trường làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn Haemophilus Species	Hộp	Hộp ≥ 10 đĩa	Môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Yeast Extract, Hematin, NAD, Agar. Hộp ≥ 20 đĩa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30	
20	15		Khoanh giấy	Hộp	Hộp ≥ 5 X 50 khoanh	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn, tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Quy cách $\geq 5 \times 50$ khoanh/Hộp. Đường kính khoanh giấy ≥ 6 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30	
21	16		Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Hộp	Hộp ≥ 20 thẻ	Thẻ định danh Gram âm sử dụng để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Hộp ≥ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	40	
22	17		Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Hộp	Hộp ≥ 20 thẻ	Thẻ định danh Gram dương để định danh các vi sinh vật Gram dương. Hộp ≥ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	15	
23	18		Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Hộp	Hộp ≥ 20 thẻ	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm để xác định tính nhạy cảm của trực khuẩn Gram âm hiếu khí thường gặp. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Hộp ≥ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	40	

24	19		Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Hộp	Hộp $\geq$ 20 thẻ	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Hộp $\geq$ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	15	
25	20		Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu	Hộp	Hộp $\geq$ 20 thẻ	Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Hộp $\geq$ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	10	
26	21		Thẻ định danh cho Neisseria/ Haemophilus	Hộp	Hộp $\geq$ 20 thẻ	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus dùng để định danh vi khuẩn. Hộp $\geq$ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4	
27	22		Thẻ định danh nấm	Hộp	Hộp $\geq$ 20 thẻ	Thẻ định danh nấm men sử dụng để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men. Hộp $\geq$ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
28	23		Thẻ kháng sinh đồ nấm	Hộp	Hộp $\geq$ 20 thẻ	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm. Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Hộp $\geq$ 20 thẻ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
			Phần 3: Danh mục vật tư, hóa chất miễn dịch sử dụng tương thích với máy miễn dịch Access 2					
29	1		Hóa chất xét nghiệm định lượng hsTnI	Hộp	Hộp $\geq$ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng hsTnI. Phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: 2,3 - 27.027pg/mL . Hộp $\geq$ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	70	
30	2		Hóa chất chuẩn xét nghiệm hsTroponin I	Hộp	Hộp $\geq$ 3x1.5mL+4x1mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm hsTroponin I, Hộp $\geq$ 3x1.5mL+4x1mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
31	3		Hóa chất chuẩn xét nghiệm Total T3	Hộp	Hộp $\geq$ 6x4mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Total T3, Hộp $\geq$ 6x4mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
32	4		Hóa chất xét nghiệm định lượng Total T3	Hộp	Hộp $\geq$ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total T3, phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,1$ - ≥ 8 ng/mL ($\leq 0,2$ - $\geq 12,3$ nmol/L). Hộp $\geq$ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	70	

33	5		Hóa chất xét nghiệm định lượng T4 tự do	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Hóa chất xét nghiệm T4 tự do, Hộp ≥ 100 test. Phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,25 - \geq 6$ ng/dL [$\leq 3,2 - \geq 77,2$ pmol/L] tương đương hoặc tốt hơn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	120	
34	6		Hóa chất chuẩn xét nghiệm T4 tự do	Hộp	hộp $\geq 6 \times 2.5$ mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm T4 tự do, hộp $\geq 6 \times 2.5$ mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
35	7		Hóa chất xét nghiệm định lượng total β hCG	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng total β hCG, phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,6 - \geq 1350$ mIU/mL tương đương hoặc tốt hơn. Hộp ≥ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
36	8		Hóa chất chuẩn xét nghiệm TOTAL β hCG	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 4$ mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TOTAL β hCG; Hộp $\geq 6 \times 4$ mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
37	9		Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	Hộp ≥ 200 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH, phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,005 - \geq 50$ μ IU/mL tương đương hoặc tốt hơn. Hộp ≥ 200 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	70	
38	10		Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH	Hộp	hộp $\geq 6 \times 2.5$ mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH, hộp $\geq 6 \times 2.5$ mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
39	11		Hóa chất xét nghiệm định lượng ferritin	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng ferritin, phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,2 - \geq 1.500$ ng/mL (μ g/L). Hộp ≥ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
40	12		Hóa chất chuẩn xét nghiệm Ferritin	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 4$ mL	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Ferritin, Hộp $\geq 6 \times 4$ mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
41	13		Giếng phản ứng	Hộp	Hộp $\geq 16 \times 98$ cái	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa ≥ 1 mL, hộp $\geq 16 \times 98$ cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	100	
42	14		Cơ chất phát quang	Hộp	Hộp $\geq 4 \times 130$ mL	Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Dung dịch đậm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt. Hộp $\geq 4 \times 130$ mL Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	60	
43	15		Dung dịch rửa máy	Hộp	Hộp $\geq 4 \times 1950$ mL	Dung dịch rửa máy, Hộp $\geq 4 \times 1950$ mL. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	160	

44	16		Hóa chất kiểm chứng	Hộp	Hộp $\geq 12 \times 5 \text{ml}$	Hóa chất kiểm chứng dạng đông khô, Hộp $\geq 12 \times 5 \text{ml}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6	
45	17		Dung dịch kiểm tra máy miễn dịch	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 4 \text{mL}$	Dung dịch kiểm tra máy miễn dịch, Hộp $\geq 6 \times 4 \text{mL}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
46	18		Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 3 \text{mL}$	Chất kiểm chứng dạng lỏng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3; Hộp $\geq 6 \times 3 \text{mL}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12	
47	19		Hóa chất định lượng Thyroglobulin	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroglobulin. Phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,1 - \geq 500 \text{ ng/mL}$. Hộp ≥ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
48	20		Hóa chất chuẩn Thyroglobulin	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 2 \text{mL}$	Hóa chất chuẩn Thyroglobulin, Hộp $\geq 6 \times 2 \text{mL}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
49	21		Dung dịch rửa máy hàng ngày	Bình	bình ≥ 1 gallon	Dung dịch rửa máy hàng ngày. bình ≥ 1 gallon. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
50	22		Cốc đựng mẫu 0,5ml dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Túi	Túi $\geq 1,000$ cái	Cốc đựng mẫu 0,5 mL sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm miễn dịch	2	
51	23		Cốc đựng mẫu 2ml dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Túi	Túi $\geq 1,000$ cái	Cốc đựng mẫu 2.0 mL. Thành phần bao gồm hoặc tương đương: Polystyrene. Túi $\geq 1,000$ cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1	
52	24		Hóa chất định lượng AFP	Hộp	Hộp ≥ 100 test	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP. Phạm vi phân tích tương đương hoặc tốt hơn: $\leq 0,5 - \geq 3.000 \text{ ng/mL}$. Hộp ≥ 100 test Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	24	
53	25		Hóa chất chuẩn AFP	Hộp	Hộp $\geq 7 \times 2.5 \text{mL}$	Hóa chất chuẩn xét nghiệm AFP. Hộp $\geq 7 \times 2.5 \text{mL}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
			Phần 4: Danh mục vật tư, hóa chất đông máu sử dụng tương thích với máy đi kèm					
54	1		Hóa chất xét nghiệm PT	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 10 \text{mL}$	Hóa chất xét nghiệm xác định thời gian đông máu PT; Hộp $\geq 6 \times 10 \text{mL}$	32	
55	2		Dung dịch làm tan máu APTT	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 4 \text{ml} + 6 \times 4 \text{ml}$	Xác định thời gian Thrombinplastin một phần hoạt hóa (aPTT), Hộp $\geq 6 \times 4 \text{ml} + 6 \times 4 \text{ml}$	28	
56	3		Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 2 \text{ml}$	Định lượng Fibrinogen trong huyết tương, Hộp $\geq 5 \times 2 \text{ml}$	40	

57	4		Hóa chất kiểm chuẩn mức bình thường	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 1 \text{ml}$	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường. Hộp $\geq 6 \times 1 \text{ml}$.	15	
58	5		Hóa chất kiểm chuẩn mức bất thường	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 1 \text{ml}$	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường. Hộp $\geq 6 \times 1 \text{ml}$	15	
59	6		Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu	Hộp	Hộp $\geq 4 \times 1 \text{ml}$	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để xét nghiệm Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp $\geq 4 \times 1 \text{ml}$.	1	
60	7		Cuvette	Hộp	Hộp $\geq 6 \times 10 \times 32$	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	20	
61	8		Dung dịch rửa máy	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 15 \text{ ml}$	Dung dịch rửa dùng để làm sạch kim hút trên máy đông máu. Hộp $\geq 5 \times 15 \text{ ml}$	72	
62	9		Dung dịch rửa kim	Hộp	Hộp $\geq 5 \times 15 \text{ ml}$	Dung dịch dùng để làm sạch máy đông máu. Hộp $\geq 5 \times 15 \text{ ml}$	24	
63	10		Thanh khuấy hóa chất	Hộp	Hộp ≥ 10 cái	Thanh khuấy hóa chất . Hộp ≥ 10 cái	1	
			Phần 5: Danh mục hóa chất xét nghiệm nước tiểu 11 thông số dùng tương thích máy Urit 330					
64	1		Test thử nước tiểu 11 thông số	hộp	Hộp ≥ 100 test	Test thử nước tiểu tối thiểu 11 thông số, công nghệ kháng acid ascorbic hoặc tương đương. Hộp ≥ 100 test. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	400	
65	2		Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 1	hộp	Hộp $\geq 12 \times 12 \text{ ml}$	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 1. Hộp $\geq 12 \times 12 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3	
66	3		Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 2	hộp	Hộp $\geq 12 \times 12 \text{ ml}$	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 2. Hộp $\geq 12 \times 12 \text{ ml}$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3	
			Phần 6: Danh mục Hóa chất Gelcard định nhóm máu					

67	1		Gel card 6 giếng làm xét nghiệm bảo đảm hòa hợp miễn dịch truyền máu	Card	Theo quy cách của nhà sản xuất	Gel card 6 giếng chứa sẵn gel trong dung dịch đệm thích hợp: Từ cột 1 - 3: Anti-A - Anti-B - Anti-D ; Từ cột 4 - 6: ENZ – AHG – AHG dùng để xác định lại nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu, làm phản ứng hòa hợp truyền máu giữa bệnh nhân và túi máu trong 2 môi trường muối và Coombs ở nhiệt độ 37 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1,000	
68	2		Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu	Chai	Chai $\geq$ 500ml	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, hữu ích trong các xét nghiệm huyết thanh học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5	
69	3		Anti D	Lọ	Lọ $\geq$ 10ml	Kháng thể đơn dòng Anti D Hiệu giá $\geq$ 1:256. Độ đặc hiệu: 100%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	70	
70	4		Huyết thanh định nhóm máu ABO	Lọ	Lọ $\geq$ 10ml	Kháng thể đơn dòng Anti A Hiệu giá $\geq$ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	100	
71	5		Huyết thanh định nhóm máu ABO	Lọ	Lọ $\geq$ 10ml	kháng thể đơn dòng Anti B Hiệu giá $\geq$ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	100	
72	6		Huyết thanh định nhóm máu ABO	Lọ	Lọ $\geq$ 10ml	Kháng thể đơn dòng Anti A,B Hiệu giá $\geq$ 1:256; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	100	
Phần 7: Danh mục hóa chất xét nghiệm dùng tương thích máy HBA1C premier Hb9210								
73	1		Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c	Bộ	Bộ $\geq$ 500test	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c theo phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	24	
74	2		Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	Hộp $\geq$ 2x500 μ l	Hóa chất được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycated Hemoglobin. Dạng bột đông khô Thành phần: Máu toàn phần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6	
75	3		Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	Hộp $\geq$ 2x500 μ l	Hóa chất được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c theo nguyên lý ái lực. Dạng bột đông khô Thành phần: Máu toàn phần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6	

			Phần 8: Danh mục Hóa chất ngoại kiểm					
76	1		Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm HbA1c	Hộp	Hộp ≥ 6x0,5 ml	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 2 thông số. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
77	2		Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm Nước tiểu	Hộp	Hộp ≥ 3x12 ml	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: 02 tháng một lần. Thông số phân tích: 14 thông số. Bao gồm cả Galactose. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	2	
78	3		Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp ≥ 6x5 ml	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 49 thông số + 2 thông số thử nghiệm. Bao gồm cả: C- peptide, Gentamicin, Salicylate, Vancomycin. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2	
			Phần 9: Vật tư, hóa chất giải phẫu bệnh					
79	1		Toluen	Chai	chai 500ml	Toluen, chai ≥ 500ml	40	
80	2		Dung dịch EA50	Chai	Chai 500ml	Chai 500ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1	
81	3		Dung dịch OG6	Bộ	Bộ 3 lọ 30ml	Chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1	
82	4		Bộ nhuộm P.A.S	Bộ	Bộ 3 lọ	Bộ 3 lọ 30ml, 1 lọ đựng dung dịch Periodic acid, 1 Lọ đựng thuốc thử Schiff, 1 Lọ đựng dung dịch Hematoxylin. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	1	
83	5		Dung dịch nhuộm mô bệnh học (Harris hematoxylin for histology)	Chai	chai 500ml	Chai ≥ 500ml. Dung nhuộm mô bệnh học. Bao gồm: ethanediol; ethanol; acetic acid; alluminum sulphate hexadecahydrate; Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8	
84	6		Eosin Y 0,5% alcoholic –	Chai	chai 500ml	Chai ≥ 500ml. Dung trong mô bệnh học. Gồm : ethanol; ethyl alcohol; acetic acid hoặc các chất tương đương. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8	
85	7		Formol trung tính 10%	Lít	Theo quy cách của nhà sản xuất	Dung dịch cố định mô có đệm trung tính, dùng cho xử lý mô nhuộm hóa mô miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	160	

86	8		Nén hạt	Kg	Theo quy cách của nhà sản xuất	Parafin để xử lý mô và nhúng cho các mẫu mô học. Nhiệt độ nóng chảy 52 -58 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	60	
87	9		Dao cắt tiêu bản	Hộp	50 cái/ hộp	Bằng thép không gỉ. Dùng trong cắt mô bệnh phẩm đã đúc nén. Kích thước 80x8x0,25cm; góc cắt 35 độ. Hộp 50 cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8	
88	10		Cassette	Cái	Theo quy cách của nhà sản xuất	Thích hợp cho các mẫu sinh thiết, vật liệu POM, thích hợp cho máy đánh dấu cassette tự động, có nắp.	10,000	
89	11		Cồn tuyệt đối	Chai	chai 500ml	Ethanol $\geq 99,7\%$, trong suốt không màu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	150	
			Phần 10: Hóa chất hỗ trợ sinh sản					
90	1		Môi trường phân loại tinh trùng	kit	2x20 mL/kit	- Upper layer + pH=7,20 - 7,90; + Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280-310; + Nội độc tố vi khuẩn [EU/ml]: < 0,5. - Lower layer + pH=7,20 - 7,90; + Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290-330; + Nội độc tố vi khuẩn [EU/ml]: <0,5; + Tỷ trọng [g/ml]: 1,1050 - 1,1150.	18	
91	2		Môi trường chuẩn bị tinh trùng	Lọ	30 ml/lọ	- Môi trường dùng để chuẩn bị tinh trùng; - Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa Albumin huyết thanh người; - pH (tại +37°C và 5% CO₂): 7,35 $\pm$ 0,10; - Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 $\pm$ 5; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; - Thành phần ít nhất bao gồm: Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm;	9	
			Phần 11: Danh mục Test nhanh xét nghiệm					
92	1		Test nhanh chẩn đoán Rotavirus	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân người. Độ nhạy: $\geq 94\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98,3\%$.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	500	

93	2		Test nhanh chẩn đoán viêm gan A IgG/IgM	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A IgG/IgM. Sử dụng đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 100% , Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98\%$ Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: $\geq 94,8\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 96,7\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	300	
94	3		Test thử nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan E	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgG/IgM kháng HEV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy: $\geq 90\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98.5\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	300	
95	4		Test nhanh chẩn đoán HIV 1/2	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm HIV Quốc gia bổ sung 2020 của viện Vệ sinh dịch tễ Trung Ương. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: $\geq 99.8\%$. . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12,000	
96	5		Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu : 100%; Kết quả xét nghiệm ổn định tới 30 phút Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV; HIV, HCV. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	12,000	
97	6		Test nhanh chẩn đoán chân tay miệng EV71 IgM	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong (huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần) Độ nhạy: $\geq 96.5\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99.0\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, hoặc tương đương.	1,000	
98	7		Test thử Morphin	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Ngưỡng phát hiện ≤ 300 ng/ml. Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	700	
99	8		Test thử thai HCG	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	200	

100	9		Test HbeAg	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện HbeAg - Độ nhạy tương quan $\geq 96.0\%$, Độ đặc hiệu tương quan $\geq 99.0\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	200	
101	10		Test ma túy 4 chỉ số	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện AMP ≤ 500 ng/ml; MET ≤ 500 ng/ml, OPIATES Morphin ≤ 300 ng/ml; THC ≤ 50 ng/ml. Độ nhạy: AMP: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC $\geq 99,12$ % - Độ đặc hiệu: AMP: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC $\geq 99,53$ %. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	5,000	
102	11		Test nhanh chẩn đoán virus hợp bào hô hấp RSV	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp (RSV) từ dịch hút vòm mũi họng; Độ nhạy: $\geq 92.45\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98,44\%$. Giới hạn phát hiện khoảng: 1.78×10^4 TCID50/ml đối với RSV A, 1.35×10^3 TCID50/ml với RSV B.. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1,500	
103	12		Test nhanh kháng nguyên chẩn đoán SARS-CoV-2	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-Cov-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. Độ nhạy tương quan: $\geq 97,6,00\%$. Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,5\%$. . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5,000	
104	13		Test thử đường huyết	Test	Theo quy cách của nhà sản xuất	Phương pháp xét nghiệm: Glucose oxidase. Test thử được trên các nguồn máu: mao mạch, máu toàn phần. Thời gian xét nghiệm: 5 giây. Khoảng xét nghiệm tương đương hoặc tốt hơn: 10-600mg/dL (0.6-33.3 mmol/L). Tương thích với máy đi kèm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	30,000	
105	14		Test Aslo	Hộp	Hộp 100 test	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn.. Độ nhạy 97,7%. Độ đặc hiệu 98,39%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp 100test	12	
106	15		Thẻ thu mẫu Hpylori	test	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ thẻ nhựa dùng 1 lầnĐược dùng để xét nghiệm vi khuẩn Helicobacter Pylori . Dùng để thu mẫu khí CO2 tương thích máy phân tích H.Pylori.	380	
107	16		Test Hp dạ dày (Tim Urease)	hộp	Hộp 50 ống	Ống nhựa chứa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH 6.8 $\pm$ 0.2 ở 25°C hộp ≥ 50 ống. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	2,500	

			Phần 12: Hóa chất khác					
108	23		Bộ kit tầm soát tế bào ung thư cổ tử cung và dịch cơ thể	Kít	Thùng 100 kit	Bộ kit gồm: Lọ dung dịch bảo quản mẫu chứa dung dịch Formaldehyde 10%. Màng lọc tế bào: đường kính màng lọc 20mm. Chổi phết tế bào: đầu chổi: chất liệu Nylon, thân chổi: chất liệu plastic . Lame trải tế bào có kích thước khoảng 25*75mm, độ dày khoảng 0.1mm	500	
109	24	N07.07.010	Bộ kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu từ máu tự thân	Bộ	Bộ gồm 1 dụng cụ hoạt hóa và vật tư tương ứng	Bộ kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu từ máu tự thân, dùng cho điều trị thoái hóa khớp. Dụng cụ hoạt hóa cơ học giả mao mạch: bằng nhựa tổng hợp, cấu trúc hình trụ tròn	450	
			Phần 12: Tay dao siêu âm hàn mạch sử dụng tương thích với dao mổ siêu âm của Olympus					
110	1		Tay dao siêu âm và hàn mạch dùng cho phẫu thuật mỡ mở	Cái	1 cái 1 hộp	Tay dao siêu âm và hàn mạch Thunderbeat dùng cho phẫu thuật mỡ mở, đường kính 5mm, dài 20 cm, tay bóp vào từ phía trước. Tương thích với dao mổ siêu âm của Olympus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	10	
111	2		Tay dao siêu âm và hàn mạch dùng cho phẫu thuật mỡ nội soi	Cái	1 cái 1 hộp	Tay dao siêu âm và hàn mạch Thunderbeat dùng cho phẫu thuật mỡ nội soi, đường kính 5mm, dài 35 cm, loại tay bóp vào từ phía trước. Tương thích với dao mổ siêu âm Olympus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	40	
112	3		Tay dao siêu âm và hàn mạch dùng cho phẫu thuật tuyến giáp, tuyến vú	Cái	1 cái 1 hộp	Tay dao siêu âm và hàn mạch Thunderbeat dùng cho phẫu thuật tuyến giáp, tuyến vú, dài 9cm.	10	
			Tổng: 112 khoản					

HÀ

Tên công ty:
Địa chỉ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn báo giá số: 946/CV-BVĐKĐA ngày 11 tháng 6 năm 2024 của bệnh viện đa khoa Đông Anh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đông Anh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn vị tính	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)(có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm...] kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

